

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 28/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hà; Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh ngày 10/02/1970, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ 6, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang V và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ và 02 con; bị tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến ngày 01/6/2018 được tại ngoại - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Phùng Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3. Chị Phùng Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: xóm 3, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định – Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Bùi Tấn B, sinh năm 1966; Địa chỉ: buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, UBND tỉnh Đắk Nông có chủ trương đền bù, hỗ trợ người dân khi thực hiện công trình hạ lưu nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah , hạng mục: Sạt lở, ngập úng xã Đ (đợt 4 năm 2015). Chủ đầu tư: Công ty thủy điện Buôn Kuốp , đơn vị thực hiện bồi thường: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K, số hộ bị thu hồi: 41 hộ; Tổng diện tích bị thu hồi : 100.793,6m²; tổng kinh phí bồi thường , hỗ trợ : 6.670.018.510đ (trong đó: bồi thường về đất là 1.662.442.400đ; bồi thường về cây trồng là 473.236.500đ; chính sách hỗ trợ là 4.167.357.080đ; kinh phí thực hiện công tác bồi thường , hỗ trợ là 346.551.000đ). Sau đó, trên cơ sở đơn tố cáo của người dân tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (đơn không ghi tên người tố cáo) về việc một số hộ dân trên địa bàn xã Đ lập hồ sơ không để chiếm đoạt tiền đền bù của nhà nước đối với dự án trên , cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô đã tiến hành điều tra, xác minh.

Trong quá trình xác minh, ngày 10/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô nhận được đơn tố cáo của ông Nguyễn Trọng Đ , là người được nhận tiền đền bù , hỗ trợ trong dự án trên, ông Đ tố cáo Đặng Văn T là cán bộ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K có hành vi nhận hối lộ.

Sau khi tiến hành điều tra xác định : Từ năm 2012, Đặng Văn T là cán bộ hợp đồng của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K , tỉnh Đắk Nông. Tháng 04/2015, Đặng Văn T được giao nhiệm vụ lập phương án đền bù , hỗ trợ cho các hộ dân chịu ảnh hưởng của công trình thủy điện Buôn Tua Srah đợt 4 năm 2015 tại địa bàn xã Đ, huyện K. Đến tháng 07/2016, T lập dự thảo phương án đền bù hỗ trợ cho các hộ dân trong khu vực được đền bù hỗ trợ và niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Đ (trong dự thảo phương án, thửa đất số 6, 7, 8 của ông Nguyễn Trọng Đ và thửa đất số 10, 13 đều cùng tờ b ản đồ số 8 của bà Phùng Thị T (là chị gái của vợ ông Đ) không đủ điều kiện để được nhận tiền đền bù). Khi xem dự thảo phương án, ông Đ thấy diện tích đất của gia đình trong khu vực được đền bù nhưng lại không được nhận tiền đền bù và biết T là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K , cũng là người trực tiếp thực hiện lập phương án , nên ông Đ gặp T. Theo đó, ông Đ và T thỏa thuận, ông Đ sẽ đưa tiền cho T, còn T giúp gia đình ông Đ và gia đình bà T được lập phương án nhận tiền đền bù . Khoảng 01 tuần sau, ông Đ cùng vợ là bà Phùng Thị H ra nhà T, ông Đ đưa cho T số tiền 15.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi xong việc sẽ đưa thêm . Sau khi nhận tiền của ông Đ , T đã lợi dụng quyền hạn được giao để lập phương án bổ sung danh sách để ông Nguyễn Trọng Đ và bà Phùng Thị T nhận được tiền đền bù, hỗ trợ của Nhà nước. Ngày 23/01/2017 ông Đ, bà T đã nhận được tiền đền bù hỗ trợ của nhà nước (cụ thể: Ông Đ nhận được số tiền: 236.015.936 đồng, bà T nhận được số tiền : 135.968.000 đồng). Đến ngày

24/01/2017, ông Nguyễn Trọng Đ cùng vợ ra nhà T và đưa cho T số tiền 35.000.000 đồng. Tổng số tiền T nhận để làm theo yêu cầu của ông Đ là 50.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra, Đặng Văn T tự nguyện giao nộp cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô số tiền 50.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 40/CT-VKS ngày 12/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Nhận hối lộ”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả ông Nguyễn Trọng Đ số tiền 50.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Bị cáo Đặng Văn T là nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Krông Nô, khoảng tháng 07/2016 bị cáo T được giao nhiệm vụ lập phương án đền bù, hỗ trợ cho người dân chịu ảnh hưởng của công trình thủy điện Buôn Tua Srah đợt 4 năm 2015 tại địa bàn xã Đ, huyện K. Trong khu vực này có đất của gia đình ông Nguyễn Trọng Đ và gia đình bà Phùng Thị T nhưng không được nhận tiền đền bù, hỗ trợ. Ông Nguyễn Trọng Đ đã gặp bị cáo T và thỏa thuận ông Đ sẽ đưa tiền cho bị cáo T, còn bị cáo T giúp gia đình ông Đ và gia đình bà T được lập phương án nhận tiền đền bù. Khoảng 01 tuần sau, ông Đ đến nhà bị cáo T đưa số tiền 15.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi xong việc sẽ đưa thêm. Sau khi nhận tiền

của ông Đ, bị cáo T lợi dụng quyền hạn được giao đã lập phương án bỏ sung để gia đình ông Đ, bà T nhận được tiền đền bù hỗ trợ. Sau khi nhận được tiền hỗ trợ, đền bù, ngày 24/01/2017 ông Đ tiếp tục đưa bị cáo T số tiền 35.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng Văn T bị Viện kiểm sát nhân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Điều 354 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhân thân của bị cáo:

3.1. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của các cơ quan hành chính nhà nước. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn làm giảm lòng tin của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; cha của bị cáo là người có công với cách mạng, được thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[4]. Đối với hành vi đưa tiền hối lộ của ông Nguyễn Trọng Đ, ông Đ đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình nên đã tự mình thu thập các tài liệu, chứng cứ để khai báo với cơ quan điều tra khi hành vi chưa bị phát hiện, quá trình điều tra ông Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và góp phần hiệu quả vào việc phát

hiện và điều tra tội phạm . Xét thấy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 29; khoản 7 Điều 364 của Bộ luật hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 230 Bộ luật tố tụng hình sự miễn trách nhiệm hình sự cho ông Nguyễn Trọng Đ , đình chỉ điều tra đối với vụ án Đưa hối lộ là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Bà Phùng Thị H không biết việc thỏa thuận giao nhận tiền giữa ông Đ và Đặng Văn T là để hối lộ nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bà Phùng Thị T không biết ông Đ đi gặp và đưa tiền hối lộ cho Đặng Văn T để T lập phương án đền bù cho gia đình T, vì vậy không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với một số hộ dân tại địa bàn xã Đ , huyện K có hành vi lập hồ sơ khống (bằng cách chia nhỏ diện tích đất của mình và nhờ nhiều người khác đứng tên) để chiếm đoạt tiền của nhà nước trong dự án đền bù, hỗ trợ đợt 4 năm 2015 của công ty thủy điện Buôn Kuốp tại địa bàn xã Đ , huyện K. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô đang điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả ông Nguyễn Trọng Đ số tiền 50.000.000 đồng.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến ngày 01/6/2018.

2. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả ông Nguyễn Trọng Đ số tiền 50.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Nhi